

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 02-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoài Sơn

Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn Anh Vũ Văn B trình bày: Tôi và chị Lương Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 09/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nên dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chúng tôi đã tự hòa giải nhiều lần nhưng cũng không khắc phục được. Đến tháng 3/2016 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng không thể hàn gắn được,

Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn chị H.

Về con chung: Có 03 cháu: Vũ Mai T, sinh ngày 12/9/2006; Vũ Trường G, sinh ngày 10/11/2008; Vũ Quỳnh T, sinh ngày 30/10/2015. Khi ly hôn chúng tôi thỏa thuận chị H nuôi cả ba con và tôi cấp dưỡng nuôi cháu T một tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lương Thị H trình bày: Tôi và anh Vũ Văn B kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 09/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh B xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 03 cháu: Vũ Mai T, sinh ngày 12/9/2006; Vũ Trường G, sinh ngày 10/11/2008; Vũ Quỳnh T, sinh ngày 30/10/2015. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cả ba cháu. Anh B tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng một tháng nuôi cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh B được ly hôn chị H. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao ba cháu Vũ Mai T, sinh ngày 12/9/2006; Vũ Trường G, sinh ngày 10/11/2008; Vũ Quỳnh T, sinh ngày 30/10/2015 cho chị H nuôi dưỡng. Anh B cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000đồng một tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn B và chị Lương Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 09 tháng 09 năm 2005 là hôn nhân hợp pháp. Anh B và chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh B xin ly hôn chị H là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hiện nay anh B và chị H đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh B được ly hôn chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 03 cháu: Vũ Mai T, sinh ngày 12/9/2006; Vũ Trường G, sinh ngày 10/11/2008; Vũ Quỳnh T, sinh ngày 30/10/2015. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả ba cháu. Anh B đồng ý và anh tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng một tháng nuôi cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi. Còn hai cháu T và cháu G chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao ba cháu Vũ Mai T; Vũ Trường G; Vũ Quỳnh T cho chị H nuôi dưỡng. Anh B cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000đồng một tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn B được ly hôn chị Lương Thị H.

2. Về con chung: Có 03 cháu: Vũ Mai T, sinh ngày 12/9/2006; Vũ Trường G, sinh ngày 10/11/2008; Vũ Quỳnh T, sinh ngày 30/10/2015.

Xử giao ba cháu Vũ Mai T; Vũ Trường G; Vũ Quỳnh T cho chị Lương Thị H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Vũ Văn B cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Quỳnh T một tháng 2.000.000đồng, kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn B phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0005375 ngày 30/11/2020 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Anh Vũ Văn B phải chịu 300.000đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh B chưa nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng